TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **41**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2018.
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: **1**. Bà **Nguyễn Thị Thủy**.

2. Ông **Trần Văn Xuân**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa*:*

Bà **Nguyễn Phương Dung** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **62/2018/TLST-HNGĐ** ngày 02 tháng 02 năm 2018, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **33/**2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Chị **Võ Thị Thanh V** - Sn: 1979.*(Có mặt)*

Địa chỉ: Ấp P, xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Công nhân; Dân tộc: Kinh.

*** Bị đơn:** Anh **Trần Hữu Đ** - Sn: 1974.*(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp P, xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Dân tộc: Kinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30-01-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Võ Thị Thanh V trình bày:

Chị và anh Trần Hữu Đ tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1996, đến năm 2005 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh Đ không lo làm ăn, thường xuyên ăn chơi, cờ bạc, đá gà, chị khuyên ngăn

nhiều lần nhưng không được. Chị nhận thấy không thể duy trì cuộc sống chung của vợ chồng, nên chị yêu cầu ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 người con tên Trần Hữu T, sinh ngày 02-5-1997 đã trưởng thành, đủ khả năng lao động và Trần Hữu N, sinh ngày 12-3-2005, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con Trần Hữu N, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Anh Trần Hữu Đ (bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Tại đơn xin vắng mặt đề ngày 30-5-2018 anh Đ trình bày: Chấp nhận lời đề nghị của vợ Võ Thị Thanh V là chu cấp cho con trai Trần Hữu N 1.000.000đồng/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc ý kiến:

Về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Võ Thị Thanh V được ly hôn anh Trần Hữu Đ, giao con chung Trần Hữu N, sinh ngày 12-3-2005 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và đủ khả năng lao động, buộc anh Trần Hữu Đ cấp dưỡng nuôi con cho chị V hàng tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng, tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Trần Hữu Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, nên áp dụng Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Giấy chứng nhận kết hôn số: 35, Quyển số 01/2005, ngày 04-5-2005, của Ủy ban nhân dân xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai cấp cho anh Đ – chị V đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh Trần Hữu Đ và chị Võ Thị Thanh V là hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Chị V cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do anh Đ không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, hay chơi bài bạc, đá gà. Anh Trần Hữu Đ không cung cấp lời trình bày cho Tòa án, nhưng qua xác minh tại địa phương cho thấy anh Đ thường xuyên uống rượu say, cờ bạc, không lo làm ăn. Do đó, lời trình

bày của chị V về mâu thuẫn vợ chồng là có cơ sở. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Đ không đến Tòa án làm việc hòa giải mâu thuẫn vợ chồng để vợ chồng đoàn tụ, cho thấy anh Đ không quyết tâm giải quyết mâu thuẫn vợ chồng để đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con. Chứng tỏ hôn nhân của anh Đ – chị V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:* Chị V trình bày vợ chồng có 02 người con là: Trần Hữu T, sinh ngày 02-5-1997 đã trưởng thành, đủ khả năng lao động nên không giải quyết vấn đề người trực tiếp nuôi dưỡng và Trần Hữu N, sinh ngày 12-3-2005 chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian qua, chị V chăm sóc con đảm bảo và nguyện vọng của con chung là muốn sống với chị. Do đó, giao người con tên Trần Hữu N cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị V yêu cầu anh Trần Hữu Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng, anh Đ chấp nhận, xét tháy là phù hợp quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[5] *Về tài sản*: Chị Võ Thị Thanh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] *Về nợ chung:* Chị Võ Thị Thanh V trình bày không có nên không xét.

[7] *Về án phí:* Chị Võ Thị Thanh V phải nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; anh Trần Hữu Đ phải nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Thanh V và anh Trần Hữu Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Hữu N, sinh ngày 12-3-2005 cho chị Võ Thị Thanh V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc khi chị V và anh Đ có yêu cầu khác.

Anh Trần Hữu Đ phải đóng góp nuôi con cho chị V là **1.000.000** *(Một triệu)* đồng/tháng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc khi chị V và anh Đ có yêu cầu khác.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của chị Võ Thị Thanh V *(Sau khi án có hiệu lực pháp luật)* hàng tháng anh Trần Hữu Đ phải chịu lãi suất cơ bản theo mức quy định của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản tiền chưa thi hành.

Anh Đ được thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, nhưng không được làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi xét thấy cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

4. Về án phí:

Buộc chị Võ Thị Thanh V nộp **300.000** *(Ba trăm nghìn)* đồng, tiền án phí sơ thẩm về ly hôn. **300.000** *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền tạm ứng án phí chị V nộp theo Biên lai thu tiền số: **008180** ngày **02-02-2018**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành tiền án phí.

Buộc anh Trần Hữu Đ nộp **300.000** *(Ba trăm nghìn)* đồng, tiền án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận hoặc niêm yết toàn sao bản án.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- Chi cục T.H.A dân sự H.Xuân Lộc;
- UBND xã SC;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Anh Dũng